



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Tài chính doanh nghiệp HP2

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1001010878	Lê Quang	Toàn	17/03/2004	TC10A	01	33	6,5	01	Tô	lê
2	000002	1001010826	Lê Hoàng	Minh	21/09/2004	TC10B	01	54	5,0	01	Như	chấn
3	000003	1101010760	Nguyễn Ngọc	An	05/11/2005	TC11A	01	35	4,0	01	An	lê
4	000004	1101010762	Nông Quốc	An	14/02/2005	TC11A	01	36	6,0	01	Quốc	chấn
5	000005	1101010765	Lương Ngọc	Anh	28/05/2005	TC11A	01	37	5,0	01	Anh	lê
6	000006	1101010774	Phạm Hoàng Phương	Anh	28/11/2004	TC11A	01	38	6,0	01	Ph	chấn
7	000007	1101010778	Dương Ngọc	Ánh	02/09/2005	TC11A	01	39	4,5	01	Anh	lê
8	000008	1101011263	Nguyễn Việt	Cường	13/09/2005	TC11A	01	40	7,8	01	Cường	chấn
9	000009	1101011391	Trần Hải	Đặng	13/03/2005	TC11A	01	41	7,0	01	Đặng	lê
10	000010	1101010788	Nguyễn Tiến	Đạt	29/05/2005	TC11A	01	42	7,3	01	Đạt	chấn
11	000011	1101011265	Nguyễn Thị Huyền	Diệu	08/05/2005	TC11A	01	43	8,0	01	Diệu	lê
12	000012	1101011733	Khuong Minh	Đức	11/09/2004	TC11A	01	44	9,8	1	Đức	chấn
13	000013	1101010795	Nguyễn Việt	Dũng	16/01/2005	TC11A	01	45	4,0	01	Dũng	lê
14	000014	1101010520	Trần Minh	Dũng	26/07/2005	TC11A	01	46	7,5	01	Dũng	chấn
15	000015	1101010798	Nguyễn Thảo	Dương	01/01/2005	TC11A	01	47	5,5	01	B	lê
16	000016	1101010799	Phạm Bình	Dương	03/07/2005	TC11A	01	48	6,0	01	Đạt	chấn
17	000017	1101010800	Tạ Minh	Dương	03/08/2005	TC11A	01	49	5,0	01	Dương	lê
18	000018	1101010801	Vũ Thùy	Dương	26/08/2005	TC11A	01	50	7,0	01	Thùy	chấn
19	000019	1101010802	Đặng Khánh	Duy	18/01/2005	TC11A	01	51	7,5	01	Duy	lê
20	000020	1101010803	Nguyễn Phương	Duy	05/12/2005	TC11A	01	52	7,3	01	Duy	chấn
21	000021	1101010808	Lê Ngân	Hà	22/11/2005	TC11A	01	53	5,0	01	Nghe	lê
22	000022	1101010811	Đỗ Thị Thúy	Hằng	12/01/2005	TC11A	01	54	8,3	01	Hằng	chấn
23	000023	1101010812	Nguyễn Thu	Hằng	10/10/2005	TC11A	01	55	4,0	01	Hằng	lê
24	000024	1101010816	Phạm Thị	Hiền	07/01/2005	TC11A	01	56	8,0	01	Hiền	chấn
25	000025	1101010817	Dư Quang	Hiệp	29/10/2005	TC11A	01	57	4,0	01	Hiệp	lê
26	000026	1101011276	Đỗ Thanh	Hoa	18/12/2005	TC11A	01	58	6,0	01	Hoa	chấn
27	000027	1101010821	Bùi Việt	Hoàng	29/11/2005	TC11A	01	59	4,0	01	Hoàng	lê
28	000028	1101010822	Nguyễn Huy	Hoàng	30/10/2005	TC11A	01	60	7,5	01	Hoàng	chấn
29	000029	1101010827	Nguyễn Thị Hoàng	Hương	06/01/2005	TC11A	01	61	6,0	01	Hương	lê
30	000030	1101010828	Phùng Thị Thu	Hương	13/12/2005	TC11A	01	62	9,0	01	Hương	chấn

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
31	000031	1101010830	Nguyễn Quang	Huy	14/08/2005	TC11A	01	63	6,5	1	Huy	le'
32	000032	1101010831	Bùi Khánh	Huyền	21/10/2005	TC11A	01	64	8,0	1	Huyền	Chấn
33	000033	1101010834	Nguyễn Thị Khánh	Huyền	29/08/2005	TC11A	01	65	6,5	1	Huyền	le'

Tổng số sinh viên dự thi: 33

Tổng số tờ giấy thi: 33

Tổng số biên bản: 0

Ngày 07 tháng 01 Năm 2026

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2


 Trần T. Hoa


 Kim Thị Hằng



1-32

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Tài chính doanh nghiệp HP2

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000034	1101010835	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	14/01/2005	TC11A	01	1	4,3	1	Huyền	Chấn
2	000035	1101010837	Phạm Trung	Khải	10/07/2005	TC11A	01	2	3,5	1	Khải	Lê
3	000036	1101011445	Ngô Hoàng	Lan	12/06/2005	TC11A	01	3	6,5	1	Lan	Chấn
4	000037	1101010846	Đỗ Thị Hoàng	Linh	29/04/2005	TC11A	01	4	5,3	1	Linh	Lê
5	000038	1101011382	Nguyễn Khánh	Linh	17/02/2005	TC11A	01	5	4,5	1	Linh	Chấn
6	000039	1101011332	Toàn Hoàng Bảo	Linh	27/08/2005	TC11A	01	6	3,0	1	Linh	Lê
7	000040	1101010853	Lê Tuấn	Long	13/11/2005	TC11A	01	7	5,0	1	Long	Chấn
8	000041	1101010174	Đỗ Phương	Ly	03/01/2005	TC11A	01	8	3,5	1	Ly	Lê
9	000042	1101011288	Trần Khánh	Ly	15/11/2005	TC11A	01	9	3,5	1	Ly	Chấn
10	000043	1101010180	Chu Thị Hoàng	Mai	01/11/2005	TC11A	01	10	6,0	2	Mai	Lê
11	000044	1101030632	Chu Hải	Nam	31/05/2005	TC11A	01	11	3,0	1	Nam	Chấn
12	000045	1101010864	Đỗ Hằng	Nga	03/11/2005	TC11A	01	12	8,5	1	Nga	Lê
13	000046	1101011293	Nguyễn Thị Hồng	Ngân	17/07/2005	TC11A	01	13	4,5	1	Ngân	Chấn
14	000047	1101010876	Nguyễn Yến	Nhi	23/03/2005	TC11A	01	14	6,5	1	Nhi	Lê
15	000048	1101010879	Hà Thị Hồng	Nhung	05/05/2005	TC11A	01	15	4,0	1	Nhung	Chấn
16	000049	1101010237	Nguyễn Nam	Phương	26/01/2005	TC11A	01	16	3,0	1	Phương	Lê
17	000050	1101010887	Nguyễn Xuân	Quang	31/01/2005	TC11A	01	17	7,5	1	Quang	Chấn
18	000051	1101011304	Đặng Thị Phương	Thảo	17/08/2005	TC11A	01	18	3,0	1	Thảo	Lê
19	000052	1101010899	Nguyễn Thị Anh	Thơ	01/08/2005	TC11A	01	19	3,0	1	Thơ	Chấn
20	000053	1101010900	Đỗ Minh	Thu	13/09/2005	TC11A	01	20	6,0	1	Thu	Lê
21	000054	1101011305	Nguyễn Thanh	Thu	27/01/2005	TC11A	01	21	6,5	01	Thu	Chấn
22	000055	1101010280	Đỗ Hoài	Thương	29/03/2005	TC11A	01	22	5,5	01	Thương	Lê
23	000056	1101011310	Đinh Quốc	Toàn	25/06/1997	TC11A	01					HP.ĐK
24	000057	1101010903	Lương Quỳnh	Trang	09/11/2005	TC11A	01	23	3,0	01	Trang	Lê
25	000058	1101011314	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	20/01/2005	TC11A	01	24	8,0	01	Trang	Chấn
26	000059	1101021056	Nguyễn Thị Thu	Trang	21/01/2005	TC11A	01	25	4,0	01	Trang	Lê
27	000060	1101011315	Phạm Thị	Trang	29/01/2004	TC11A	01	26	8,5	1	Trang	Chấn
28	000061	1101010904	Phan Thị Huyền	Trang	10/10/2005	TC11A	01	27	3,5	1	Trang	Lê
29	000062	1101011250	Hoàng Quốc	Tuấn	06/11/2005	TC11A	01	28	3,0	1	Tuấn	Chấn

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
30	000063	1101011377	Đỗ Thế	Tùng	09/10/2005	TC11A	01	24	3,0	1	Tùng	le
31	000064	1101010911	Đỗ Tường	Vy	07/08/2005	TC11A	01	30	6,5	1	Vy	hãm
32	000065	1101010912	Nguyễn Kim	Xuân	21/03/2005	TC11A	01					
33	000066	1101010329	Trần Thị Chiêu	Xuân	07/05/2005	TC11A	01	31	6,0	1	Xuân	chấn
34	000067	1101011370	Đinh Thị Hải	Yến	09/03/2004	TC11A	01	32	3,0	1	Cyên	le

Tổng số sinh viên dự thi: 32

Tổng số tờ giấy thi: 33

Tổng số biên bản: 0

Ngày 07 tháng 01 Năm 2026

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thị Vân Thanh Đỗ Thị Hải